

Bản án số: **29/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 07/8/2024

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, bà Hoàng Thị Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Lý Khởi Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: bà Lại Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1998

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông** (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1996

Địa chỉ: **Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2024 và lời trình bày của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị N** trong quá trình giải quyết vụ án thì: Chị và anh **Nguyễn Thanh T** kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa**. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu **Nguyễn Thanh L**, sinh ngày 05/7/2017. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị làm đơn ly hôn với anh **Nguyễn Thanh T** là trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn, chị bị anh **T** đánh đập, chửi mắng dẫn đến trầm cảm nên chị lánh đi nơi khác để trấn an tinh thần 2 ngày, thời gian đó anh **T** cho rằng chị có người khác nên anh **T** đưa con chung về tỉnh Thanh Hóa để sống, còn chị thì về nhà mẹ ruột tại tỉnh Đăk Nông. Từ năm 2019 đến nay cả hai đã sống ly thân. Trong thời gian chung sống cả hai ở trọ tại tỉnh Bình Dương nên mâu thuẫn vợ chồng chỉ giải quyết trong nội bộ gia đình, không nhờ chính quyền địa phương hòa giải nên đề nghị Tòa án không xác

minh mâu thuẫn vợ chồng. Chị Nguyễn Thị N yêu cầu giải quyết: Về tình cảm: Xin ly hôn; về con chung: Chị đồng ý giao cháu Nguyễn Thanh L cho anh T nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không có.

Theo văn bản trình bày ý kiến của anh Nguyễn Thanh T gửi đến Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thì: Anh T xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Anh T thống nhất với lời khai trình bày của chị Nguyễn Thị N về quan hệ hôn nhân và con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng anh T xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, có cãi vã 4,2, mâu thuẫn về một số việc nên cả hai không thể ở được với nhau, đã sống ly thân 4 năm. Do cả hai ở trọ tại tỉnh Bình Dương nên anh T cũng đề nghị Tòa án không cần xác minh thu thập chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn. Đối với yêu cầu của chị N thì anh T đồng ý ly hôn; về con chung: Anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh L; về cấp dưỡng: tự thỏa thuận; về tài sản chung, nợ chung: không có.

Theo ý kiến trình bày của cháu Nguyễn Thanh L thì nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh L, sinh ngày 05/7/2017 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết;

Về tài sản chung, nợ chung: Không có;

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí DSST về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Thanh T, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa, các đương sự đã có văn bản lựa chọn Tòa án nơi nguyên đơn cư trú là Tòa án có thẩm quyền giải quyết nên Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thanh T kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa, hôn nhân tự nguyện, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cả hai sống thiếu niềm tin và trách nhiệm, không có ý thức xây dựng hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến cả hai đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh Nguyễn Thanh T cũng thừa nhận mâu thuẫn là có thật và anh đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Các đương sự đều đồng ý giao cháu Nguyễn Thanh L cho anh T nuôi dưỡng, đây cũng là nguyện vọng cháu L. Việc các đương sự thỏa thuận về nuôi con chung là phù hợp, không trái quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc ly hôn.

[2.6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh L, sinh ngày 05/7/2017 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005925 ngày 26/6/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Vĩnh Hưng
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung

